

Hà Nội, ngày .4 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 2.2 và Điều 2.3 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/20.6/UBTVQH.4 ngày 30 tháng .2 năm 20.6 của Ủy ban thường vụ Quốc hội v/v Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 20/202./TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 202. về việc tra chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 0. ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** B Trụ sở: Số Người đại diện theo pháp luật: Ông ...-Chủ tịch Hội đồng quản trị; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà ...-Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý rủi ro (theo Giấy ủy quyền số 5528/20.9/UQ-BVB ngày 3./2/20.9), ông Nguyễn Xuân ...-Chuyên viên phòng Xử lý nợ - Khối QLRR (theo Giấy ủy quyền số 02/2022/UQ-BVB ngày 04/0./2022) và ông Vũ Cao ...-Chuyên viên cao cấp, Phòng Xử lý nợ-Khối QLRR (theo Giấy ủy quyền số 3965/202./UQ-BVB ngày 05./202.).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm .980.

Ông Nguyễn T A, sinh năm .9.9.

Cùng hộ khẩu thường trú và cùng trú tại: Tổ ., cụm . (số mới: .A, ngõ . đường An Dương Vương), phường . T, quận T H, TP Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Nguyễn T A (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: .99, quyền số 0./2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày .9/0./2022 lập tại Văn phòng công chứng Vũ Dung).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[.] Về số tiền dư nợ: Ngân hàng .và bà Trần Thị H, ông Nguyễn T A xác nhận:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0005/20.8/HĐTD2/BVB023 ngày 02/0./20.8 và Hợp đồng tín dụng số 0006/20.8/HĐTD2/BVB023 ngày 02/0./20.8 được ký kết giữa BAOVIET Bank và bà Trần Thị H, ông Nguyễn T A: Ông T A, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Bảo Việt tổng số tiền, tính đến ngày 28/3/2022 là: **3.8.8..62.082đồng** (*ba tỉ, tám trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*), cụ thể: Nợ gốc: 2..94..84.000đồng (*hai tỉ, bảy trăm chín mươi tư triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng*), nợ lãi: ..002.652.402đồng (*một tỉ, không trăm linh hai triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm linh hai đồng*), phí trả nợ trước hạn: 2..9..680đồng (*hai mươi một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

[2] *Về lộ trình tha toán*: Ngân hàng và ông Nguyễn T A, bà Trần Thị H đồng ý thỏa thuận với lộ trình tha toán nợ như sau:

Chậm nhất vào ngày .5./2022 ông Nguyễn T A, bà Trần Thị H tha toán cho Ngân hàng toàn bộ tổng số tiền còn nợ là **3.8.8..62.082đồng** (*ba tỉ, tám trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*), trong đó số tiền gốc còn lại là: 2..94..84.000đồng (*hai tỉ, bảy trăm chín mươi tư triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng*), nợ lãi: ..002.652.402đồng (*một tỉ, không trăm linh hai triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm linh hai đồng*), phí trả nợ trước hạn: 2..9..680đồng (*hai mươi một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*) và số tiền nợ lãi tính từ ngày 29/3/2022 cho đến khi tha toán xong toàn bộ khoản nợ. Số tiền nợ lãi từ ngày 29/3/2022 được tính theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông T A, bà H tha toán đúng theo thỏa thuận đã cam kết, hai bên thỏa thuận ông T A, bà H sẽ làm hồ sơ xin xem xét miễn giảm tiền nợ lãi và các phí có liên quan đến khoản nợ để Ngân hàng xem xét giảm nợ lãi cho ông T A, bà H.

[3] *Về xử lý tài sản thế chấp*: Trường hợp ông T A và bà H tiếp tục vi phạm nghĩa vụ tha toán (không thực hiện tha toán hoặc tha toán không đầy đủ) theo lộ trình đã cam kết, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số -/-, tờ bản đồ số -/-, diện tích 5.,8m², tọa lạc tại: Tổ ., cụm ., phường . T, quận T H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 662969, MS: .0.03.50533-0., H sơ gốc số 2.60.2002.QĐUB/9.80.2002 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày .4/.0/2009. Ngày ../04/20.2, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T H, thành phố Hà Nội xác nhận đã đăng ký

tặng cho chủ sử dụng ông Nguyễn T A theo Hợp đồng số .696.20../HĐ-TC do Văn phòng công chứng Lạc Việt lập ngày ../.2/20... Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 29.5.20../HĐTC; Quyền số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/.2/20.. để thu hi khoản nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến thời điểm xử lý xong tài sản thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ dùng tha toán toàn bộ khoản nợ của hợp đồng tín dụng trên, nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản, nếu thiếu thì Ngân hàng ghi nợ và ông T A và bà H tiếp tục phải tha toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu cho đến khi tất toán khoản vay.

[4] *Về án phí*: Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là ông Nguyễn T A và bà Trần Thị H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 55.909.38.đồng (*năm mươi lăm triệu, chín trăm linh chín nghìn, ba trăm tám mươi một đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bảo Việt được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 48..20.000đồng (*bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003.24 ngày 20/4/202. tại Chi cục thi hành án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục .c thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều . và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận T H;
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN